

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05-3-2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa

Ngày 05 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018, về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Ấp TR, xã TC, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

2. Bị đơn: Thạch Minh Đ, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Ấp TR, xã TC, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn S, Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam-Phòng giao dịch TO.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn ông Thạch Minh Đ.

Đề nghị của bị đơn ông Thạch Minh Đ: Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đề nghị của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – phòng giao dịch Trà Ôn: số tiền nợ Ngân hàng 8.350.000đ và lãi phát sinh Ngân hàng chưa yêu cầu Tòa án giải quyết

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đương sự thống nhất:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Thạch Minh Đ chung sống như vợ chồng vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Hiện tại ông, bà không còn chung sống với nhau.

Về con chung: ông bà có 02 con chung Thạch Thị Mỹ H, sinh năm 1995 theo giấy khai sinh số 58 quyền 04 ngày 10/11/2001 và Thạch Ngọc Đ, sinh năm 1997 theo giấy khai sinh số 06 quyền III ngày 07/11/2001 của Ủy ban nhân dân xã TC, huyện Trà Ôn hiện hai con chung đã trưởng thành.

Về tài sản bà L và ông Nghiệp không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nợ ngân hàng nêu trên chưa yêu cầu Tòa giải quyết.

Các tình tiết đương sự không thống nhất: Bà L yêu cầu ly hôn, ông Đ không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quyền yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân và gia đình; các đương sự chưa yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại điều 28 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Đ chung sống như vợ chồng từ năm 1994 đến nay không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nay bà L yêu cầu ly hôn được Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà L và ông Đ là vợ chồng theo quy định tại các điều 9, 14 và 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Các con chung của bà L và ông Đ đều đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết.

[2.3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị Kim L do thuộc diện cận nghèo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 9, 14, 53 luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Kim L và ông Thạch Minh Đ là vợ chồng

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị Kim L do thuộc diện hộ nghèo theo quy định.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo lai thu số 0014368 ngày 25/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn cho bà Nguyễn Thị Kim L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Phạm Trường Thọ